TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2017.

V/v: Ly hôn giữa bà T và ông Q.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà Giang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Xuân Hùng**
2. Ông **Cao Anh Tuấn**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Quyên.**

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Htham gia phiên toà:* Bà **Hà Thị Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 02/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2017về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T** – sinh năm 1995

Trú tại: Tổ dân phố 5 – thị trấn M – huyện H– tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt)

2. Bị đơn : Ông **Nguyễn Anh Q** – sinh năm 1987

Trú tại: Tổ dân phố 7 – thị trấn M – huyện H– tỉnh Lâm Đồng.

(Ông Q vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau một thời gian được hai bên gia đình tổ chức đám cưới. Đến ngày 22/4/2015 bà T và ông Q tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M huyện H, tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015, quyển số 01/2015 ngày 22/4/2015. Bà T và ông Q chung sống với nhau đến tháng 8/2015 thì phát sinh mâu thuẫn; do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không thông cảm và chia sẻ cho nhau được, ông Q hay đuổi bà T về nhà bố mẹ đẻ của bà T, bà T cũng đã cố gắng rất nhiều nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích nên tháng 12 năm 2015 đến nay bà T chuyển về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống và nuôi con.

Đến nay tình cảm của bà T dành cho ông Q không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Anh Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Q có 01 con chung là Nguyễn Anh Gia B sinh ngày: 30/5/2016 hiện nay con chung đang sống cùng bà T, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Q không có tài sản chung;

Về công nợ chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông Q không có công nợ chung;

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Thu T không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Do ông Nguyễn Anh Q không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Thẩm phán nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Q về nội dung của vụ án.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hòa giải nhiều lần nhưng do bị đơn ông Nguyễn Anh Q vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Htại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

- Bị đơn ông Nguyễn Anh Q không thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về vội dung của vụ án:

Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T có đơn yêu cầu Ly hôn với ông Q nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Anh Gia B - sinh ngày 30/5/2016 xét yêu cầu của bà T và quy định tại khoản 03 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên

giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung thành niên là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T trình bày không có tài sản chung, ông Q không yêu cầu gì về tài sản chung nên không xem xét.

Về công nợ chung: Bà T trình bày không có công nợ chung, không ai yêu cầu bà T, ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

+ Tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu T (bản sao); 01 sổ hộ khẩu chủ hộ là ông Nguyễn Sỹ S (bản sao), 01 đơn xin ly hôn ngày 14/01/2017; 01 giấy khai sinh của Nguyễn Anh Gia B (bản sao); 01 phiếu chuyển phát nhanh số EJ 67 9991938 VN (bản chính).

+ Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 15/02/2017 của bà Nguyễn Thị Thu T; 01 biên bản xác minh ngày 10/5/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: bà Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H giải quyết xin ly hôn đối với ông Nguyễn Anh Q có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện H, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà T và ông Q có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có yêu cầu Tòa án xin ly hôn. Vì vậy cần xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn**:** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục phiên tòa xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Q sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau đã quyết định sống chung và được sự cho phép của hai bên gia đình, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2015, quyển số 01/2015 ngày 22/4/2015. Như vậy hôn nhân của bà T và ông Q là hôn nhân hợp pháp; bà T xin ly hôn với ông Q là có cơ sở.

Qua xác minh được biết, hôn nhân của bà T và ông Q không đạt được mục đích, tuy không có cãi nhau, đánh nhau làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự lối xóm nhưng sau khi bà T và ông Q kết hôn chỉ sống chung với nhau được một thời gian ngắn rồi mỗi người sống một nơi, bà T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ông Q, bà T không có sự quan tâm đúng nghĩa của vợ chồng giành cho nhau, việc này đã được đại diện Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn M xác nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân của bà không đạt được mục đích do cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông Q không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống mọi mặt, ông Q thường đuổi bà T về nhà bố mẹ đẻ mỗi lần vợ chồng có xích mích gì đó, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được…. Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án để thông báo cho ông Q biết về yêu cầu khởi kiện của bà T và triệu tập ông Q có mặt tại trụ sở Tòa án để trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án cũng như tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Q và bà T nhưng ông Q cố tình vắng mặt không hợp tác để hòa giải mâu thuẫn. Điều này cho thấy bị đơn không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

Như vậy đủ nhận thấy hôn nhân của bà T và ông Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh do bà T đăng ký ngày 28/6/2016 thể hiện họ và tên cha là Nguyễn Anh Q, họ và tên mẹ là Nguyễn Thị Thu T điều đó chứng tỏ cháu Nguyễn Anh Gia Bảo sinh ngày: 30/5/2016 là con chung của bà T và ông Q, hiện nay cháu Bảo đang sống cùng bà T. Theo như bà T trình bày từ năm 2015 đến nay bà T sinh con, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tại nhà bố mẹ đẻ tại tổ dân phố 5, thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai. Ông Q không quan tâm, chăm sóc cũng như thực hiện nghĩa vụ của một người cha đối với con chung trong suốt quá trình bà T sinh con cho đến khi bà T nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông Q nộp tại Tòa án thì thỉnh thoảng ông Q có qua nhà bố mẹ bà T thăm con. Hiện nay con chung 15 tháng tuổi vẫn còn nhỏ nên bà T yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Do đó việc giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà T không yêu cầu ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà T trình bày không có tài sản chung, ông Q không có yêu cầu gì đối với tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về nợ chung: Bà T trình trình bày không có nợ chung, ông Q không có yêu cầu gì về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Anh Q.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung Nguyễn Anh Gia B - sinh ngày: 30/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Ông Nguyễn Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0002441 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H– tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánh dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- VKSND, TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, THADS Đạ Huoai;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Đạ M'Ri;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng **Cao Anh Tuấn** **Nguyễn Thị Hà Giang**